

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học không chuyên
đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy trình độ đại học và cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp và công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04/9/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-DHĐT ngày 16/9/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học không chuyên đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy trình độ đại học và cao đẳng” trong Trường Đại học Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, Trưởng các khoa, Trưởng các đơn vị trực thuộc, sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy thuộc Trường Đại học Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Quản trị Website;
- <http://egov.dthu.edu.vn>;
- Lưu VT, ĐT.



Nguyễn Văn Đệ

QUY ĐỊNH

Về việc tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học không chuyên
đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy trình độ đại học và cao đẳng
của Trường Đại học Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-DHĐT ngày 13 tháng 02 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định việc tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học không chuyên bao gồm quy định chung, quy định về dạy và học ngoại ngữ, quy định về dạy và học tin học, tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho đối tượng là sinh viên không chuyên ngoại ngữ và tin học đối với hệ đào tạo chính quy trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Đồng Tháp kể từ khóa tuyển sinh năm học 2013-2014 trở đi.

2. Sinh viên các khóa tuyển sinh từ năm học 2012 - 2013 trở về trước vẫn thực hiện theo các quy định về điều kiện ngoại ngữ và tin học của Nhà trường đã ban hành theo Quyết định số 448/QĐ-ĐHĐT ngày 25/8/2010 và Quyết định số 443/QĐ-ĐHĐT ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

Điều 3. Môn học ngoại ngữ không chuyên

Môn học ngoại ngữ không chuyên vừa là điều kiện xét tốt nghiệp, vừa là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ chính quy. Môn học ngoại ngữ không chuyên được quy định như sau:

1. Đối với sinh viên học chuyên ngành tiếng Anh:

a) Ngoại ngữ không chuyên là một trong các ngôn ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, trình độ A đối với sinh viên cao đẳng, trình độ B đối với sinh viên đại học. Quá trình học tập và thi để cấp chứng chỉ được thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Đối với những ngôn ngữ hiện nay Nhà trường chưa tổ chức giảng dạy và học tập (bao gồm các ngôn ngữ: tiếng Nga và tiếng Đức), sinh viên có thể học, thi và nộp văn bằng, chứng chỉ do các trường và trung tâm ngoại ngữ ngoài Trường, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo, bồi dưỡng và cấp văn bằng, chứng chỉ.

2. Đối với sinh viên không thuộc chuyên ngành tiếng Anh:

a) Sinh viên trình độ cao đẳng: ngoại ngữ không chuyên là tiếng Anh được tổ chức dạy, học và thi theo chuẩn TOEIC hoặc chuẩn A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR).

b) Sinh viên trình độ đại học: ngoại ngữ không chuyên là tiếng Anh được tổ chức dạy, học và thi theo chuẩn TOEIC hoặc chuẩn B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu.

c) Đối với những ngôn ngữ hiện nay Nhà trường chưa tổ chức giảng dạy và học tập (bao gồm các ngôn ngữ: tiếng Nga và tiếng Đức), sinh viên có thể học, thi và nộp văn bằng, chứng chỉ do các trường và trung tâm ngoại ngữ ngoài Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo, bồi dưỡng và cấp văn bằng, chứng chỉ. Trình độ A đối với sinh viên cao đẳng và trình độ B đối với sinh viên đại học.

3. Thời lượng học tập môn ngoại ngữ không chuyên trong chương trình đào tạo đối với trình độ cao đẳng và đại học là 5 tín chỉ.

4. Khuyến khích những sinh viên từ khóa tuyển sinh từ 2012-2013 trở về trước đã đạt 250 điểm TOEIC (đối với trình độ cao đẳng) và 300 điểm TOEIC (đối với trình độ đại học) đăng ký học tập thêm môn tiếng Anh tăng cường để đạt chuẩn B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu nhằm tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi ra trường theo quy định của các Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Bậc học theo chuẩn TOEIC, chuẩn Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và chuẩn Khung tham chiếu chung Châu Âu

1. Bậc học theo chuẩn TOEIC

Bậc học theo chuẩn TOEIC và chương trình học được quy định như sau:

Bậc	Điểm chuẩn	Môn học	Số tín chỉ
1	Từ 100 tới < 200	TOEIC 1	5
2	Từ 200 tới < 300	TOEIC 2	5
3	Từ 300 tới < 400	TOEIC 3	5
4	Từ 400 tới < 450	TOEIC 4	5
5	Từ 450 tới < 550	TOEIC 5	5
6	Từ 550 trở lên	TOEIC 6	5

2. Bậc học theo chuẩn Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
Sơ cấp	Bậc 1
	Bậc 2
Trung cấp	Bậc 3
	Bậc 4
Cao cấp	Bậc 5
	Bậc 6

3. Bậc học theo chuẩn Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)

Bậc	Điểm chuẩn	Môn học	Số tín chỉ
1	Từ 0 tới < 400	A1	5
2	Từ 400 tới < 450	A2	5
3	≥ 450	B1	5

4. Mức độ tương thích giữa Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và Khung tham chiếu chung Châu Âu.

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được chia làm 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp) và 6 bậc (từ Bậc 1 đến Bậc 6 và tương thích với các bậc từ A1 đến C2 trong CEFR). Cụ thể như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		CEFR
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Điều 5. Chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và các chuẩn tương đương

1. Chuẩn đầu vào và điểm đầu vào:

a) Chuẩn đầu vào: là quy định trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC hoặc theo chuẩn CEFR mà sinh viên cần phải có để học tiếp môn học này trong chương trình đào tạo.

b) Điểm đầu vào: là điểm kiểm tra được dùng để xác định bậc học tương ứng. Sinh viên không cần phải học theo tuần tự mà có thể học vượt túy theo số điểm đã đạt được. Khung điểm đầu vào được quy định theo bảng sau:

Khung điểm đầu vào	Bậc học
< 100	Bậc 1-TOEIC 1
Từ 100 tới < 200	Bậc 2-TOEIC 2
Từ 200 tới < 300	Bậc 3-TOEIC 3
Từ 300 tới < 400	Bậc 4-TOEIC 4
Từ 400 tới < 450	Bậc 5-TOEIC 5
Từ 450 tới < 600	Bậc 6-TOEIC 6

2. Chuẩn đầu ra: là quy định trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC hoặc chuẩn CEFR mà sinh viên cần phải có làm điều kiện tốt nghiệp khóa đào tạo và được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

3. Các chuẩn tương đương TOEIC

a) Các chứng chỉ theo chuẩn CEFR do các cơ sở đánh giá được phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Đề án Ngoại ngữ 2020 còn trong thời gian sử dụng, được quy đổi tương đương về chuẩn TOEIC. Các chứng chỉ TOEIC, TOEFL iBT, IELTS, Cambridge Exams như: FCE, PET, KET, CAE, CPE quốc tế còn trong thời gian sử dụng, nếu đạt chuẩn đầu ra thì chuyển thành điểm R cho môn học trong chuẩn tương ứng (miễn học và miễn thi).

b) Việc quy đổi được quy định theo bảng sau:

TOEIC	Cambridge exams	TOEFL iBT	IELTS	CEFR B1
0-299		0-8	0-1	A0
		9-18	1-1,5	
300-334		19-29	2-2,5	A1
335-400	KET	30-40	3-3,5	A2
405-600	PET	41-52	4,0	B1
	PET	53-64	4,5-5,0	
605-780	FCE	65-78	5,5-6,0	B2
	CAE	79-95	6,5-7,0	C1
785-990	CPE	96-120	7,5-9,0	C2

4. Chuẩn TOEIC và chuẩn CEFR cho các trình độ đào tạo

a) Theo chuẩn TOEIC cho các trình độ đào tạo được quy định như sau:

Trình độ	Chuẩn đầu vào	Chuẩn đầu ra
Cao đẳng	Bậc 3 (TOEIC 3)	Bậc 4 (TOEIC 4)
Đại học	Bậc 4 (TOEIC 4)	Bậc 5 (TOEIC 5)

b) Theo chuẩn CEFR cho các trình độ đào tạo được quy định như sau:

Trình độ	Chuẩn đầu vào	Chuẩn đầu ra
Cao đẳng	A1	A2
Đại học	A2	B1

Điều 6. Điểm vượt chuẩn

Điểm vượt chuẩn là điểm lớn hơn trình độ chuẩn đầu ra theo Khoản 4, Điều 5 của Quy định này và sinh viên sẽ đạt điểm A cho môn học ngoại ngữ khi tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm vượt chuẩn được quy định theo bảng sau:

Điểm kiểm tra	Cao đẳng	Đại học
>=450	TOEIC 5	-
550		TOEIC 6

Điều 7. Miễn học và miễn thi

Sinh viên không phải học và thi môn ngoại ngữ nếu đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học chuyên ngành tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác được Bộ giáo dục và Đào tạo quy định.

Điều 8. Quy định về học tập

1. Quá trình học ngoại ngữ theo chuẩn TOEIC hoặc tương đương

Sinh viên năm thứ nhất được tham dự kỳ thi kiểm tra trình độ chuẩn đầu vào tiếng Anh theo chuẩn TOEIC hoặc chuẩn tương đương.

Quy định cụ thể như sau:

a) Nếu điểm thi thấp hơn khung điểm chuẩn đầu ra, sinh viên phải học bắt đầu từ bậc học tương ứng với điểm thi nằm trong khung điểm đầu vào theo Điều 5 của Quy định này.

b) Nếu điểm thi nằm trong hoặc lớn hơn khung điểm chuẩn đầu ra, sinh viên được miễn học và miễn thi (do đã đạt chuẩn đầu ra) hoặc có thể đăng ký học tiếp để được hưởng điểm khuyến khích theo Điều 6 của Quy định này về điểm vượt chuẩn.

c) Nếu sinh viên không tham dự kỳ thi kiểm tra trình độ đầu vào thì sẽ học bắt đầu từ TOEIC 1 (theo chuẩn TOEIC) hoặc A1 (theo chuẩn CEFR).

d) Sinh viên sau khi học xong một bậc học được tham dự một kỳ thi kiểm tra trình độ chuẩn đầu ra để quyết định quá trình học tập và bậc học tiếp theo.

d) Đối với những sinh viên đạt chuẩn đầu ra môn ngoại ngữ, nếu muốn dự thi chứng chỉ quốc tế về TOEIC thì có thể đăng ký dự thi và nộp lệ phí tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Nhà trường.

2. Quản lý giảng dạy và học tập ngoại ngữ không chuyên

a) Việc tổ chức giảng dạy và học tập ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh theo chuẩn TOEIC hoặc chuẩn tương đương tại Trường do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học trực tiếp quản lý và tổ chức giảng dạy, học tập.

b) Sinh viên các ngành sư phạm không phải đóng học phí trong lần học thứ nhất đối với TOEIC 4 (trình độ cao đẳng), đối với TOEIC 5 (trình độ đại học), các trường hợp còn lại (sinh viên các ngành sư phạm học lần thứ hai và sinh viên các ngành ngoại ngữ) đóng học phí tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường.

Điều 9. Quy định về kết quả học tập

1. Môn học TOEIC 4 đối với trình độ cao đẳng và TOEIC 5 đối với trình độ đại học là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo. Điểm tích lũy của môn học này được quy từ điểm chuẩn TOEIC về thang điểm chữ và thang điểm 10 theo bảng quy đổi sau:

Điểm TOEIC		Quy về thang điểm chữ	Quy về thang điểm 10
TOEIC 4 - CĐ	TOEIC 5 - ĐH		
<400	<450	F	3.9
400-414	450-474	D	5.4
415-424	475-499	C	6.9
425-434	500-524	B	8.4
435-449	525-549	A	10.0

2. Nếu sinh viên chưa đạt chuẩn TOEIC hoặc chuẩn tương đương (mức quy đổi được quy định theo bảng quy đổi ở Mục a và b, Khoản 4, Điều 5 của Quy định này) thì căn cứ vào kết quả trong kỳ thi kiểm tra trình độ chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC hoặc chuẩn tương đương, tùy theo số điểm sinh viên đạt được, có thể lựa chọn học một trong hai hình thức sau đây:

a) Học theo bậc chuẩn TOEIC hoặc chuẩn tương đương với bậc sinh viên đã đạt được khi tham gia dự thi kết quả kiểm tra trình độ đầu vào được quy định tại Điều 5 của Quy định này.

b) Học theo chương trình bồi dưỡng tiếng Anh tăng cường đạt chuẩn A2 đối với trình độ cao đẳng và đạt chuẩn B1 đối với trình độ đại học được quy định tại Mục a và b, Khoản 2, Điều 3 của Quy định này.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ DẠY VÀ HỌC TIN HỌC KHÔNG CHUYÊN**

Điều 10. Chuẩn tin học đầu vào không chuyên

Chuẩn tin học đầu vào không chuyên trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và đại học tương đương với tin học trình độ A, được chia làm 4 nhóm kiến thức sau:

1. Sử dụng Hệ điều hành Windows và Internet (1 tín chỉ).
2. Kỹ thuật soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word (1,5 tín chỉ).
3. Kỹ thuật xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel (1,5 tín chỉ).
4. Kỹ thuật thiết kế trình diễn bằng Microsoft Power Point (1 tín chỉ).

Điều 11. Kiểm tra trình độ tin học đầu vào không chuyên

1. Kiểm tra trình độ tin học đầu vào không chuyên được áp dụng cho sinh viên mới nhập học (không bắt buộc).

2. Sinh viên có bằng tốt nghiệp về Công nghệ thông tin từ trình độ trung cấp trở lên được miễn kiểm tra trình độ tin học đầu vào không chuyên.
3. Sinh viên dự kiểm tra trình độ môn tin học đầu vào không chuyên đóng lệ phí theo quy định tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường.

Điều 12. Chuẩn tin học đầu ra không chuyên

Chuẩn tin học đầu ra không chuyên đối với sinh viên được quy định như sau:

1. Đối với sinh viên trình độ cao đẳng: Đạt trình độ tin học B.
2. Đối với sinh viên trình độ đại học: Đạt trình độ tin học B và đạt học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành.

Điều 13. Trình độ tin học B

1. Trình độ tin học B là môn học dành cho các khối ngành được chia thành học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc (2 tín chỉ): Thiết kế Web và Internet nâng cao.

b) Học phần tự chọn (4 tín chỉ):

STT	Học phần	Số tín chỉ
A	Các ngành sư phạm: chọn 4 tín chỉ trong 7 học phần sau	
1	Thiết kế ảnh động (Flash)	2
2	Biên tập và dựng phim	2
3	Các công cụ thiết kế bài giảng	2
4	Mapple	2
5	Xử lý ảnh (Photoshop)	2
6	Công cụ thiết kế đồ họa (Corel Draw)	2
7	Công cụ xử lý thống kê	2
8	Ngôn ngữ lập trình Pascal nâng cao	4
B	Các ngành kinh tế: chọn 4 tín chỉ trong 3 học phần sau	
1	Excel nâng cao	2
2	Công cụ thiết kế đồ họa (Corel Draw)	2
3	Hệ quản trị và cơ sở dữ liệu Access	4
C	Các ngành Mỹ thuật: chọn 4 tín chỉ trong 4 học phần sau	
1	Xử lý ảnh (Photoshop)	2

2	Công cụ thiết kế đồ họa (Corel Draw)	2
3	Thiết kế ảnh động (Flash)	2
4	Biên tập và dựng phim	2
D	Các ngành khác: chọn 4 tín chỉ trong 7 học phần sau	
1	Xử lý ảnh (Photoshop)	2
2	Công cụ thiết kế đồ họa (Corel Draw)	2
3	Thiết kế ảnh động (Flash)	2
4	Biên tập và dựng phim	2
5	Maple	2
6	Lập trình ứng dụng bằng VB.NET	4
7	Ngôn ngữ lập trình Pascal nâng cao	4
8	Công cụ xử lý thống kê	2

2. Chứng chỉ tin học quốc tế tương đương khác: tùy từng trường hợp cụ thể sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 14. Học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành

1. Học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành là học phần bắt buộc, gồm 2 tín chỉ trong chương trình đào tạo các ngành không chuyên về tin học.

2. Học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành do khoa đào tạo chuyên ngành quản lý và tổ chức dạy học. Sinh viên các ngành sư phạm không phải đóng học phí trong lần học thứ nhất, các trường hợp còn lại đóng học phí tại Phòng Tài chính – Kế toán như các học phần khác.

3. Điểm học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

4. Điều kiện tiên quyết để được học học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành là đạt trình độ tin học B của Trường Đại học Đồng Tháp.

Điều 15. Quản lý và tổ chức học tập tin học

1. Quản lý và tổ chức học tập tin học trình độ A

a) Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức giảng dạy, học tập môn tin học trình độ A.

b) Sinh viên không tham dự kiểm tra điều kiện và sinh viên có đăng ký dự kiểm tra điều kiện nhưng không đạt yêu cầu thì phải đăng ký học tập cho đến khi đạt chuẩn tin học trình độ A của Nhà trường.

c) Sinh viên đăng ký học tập và đóng học phí tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường. Sau khi đạt chuẩn trình độ đầu vào của Trường, sinh viên có thể đăng ký dự thi chứng chỉ tin học trình độ A hoặc học tiếp để thi chứng chỉ tin học trình độ B.

2. Quản lý và tổ chức học tập tin học trình độ B

a) Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức giảng dạy, học tập môn Tin học trình độ B.

b) Sau khi sinh viên học và thi đạt yêu cầu học phần bắt buộc (2 tín chỉ) và học phần tự chọn (4 tín chỉ) được quy định tại Điều 13 của Quy định này thì được cấp tín chỉ tin học trình độ B.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ và tin học để được cấp bằng tốt nghiệp

Để được cấp bằng tốt nghiệp, sinh viên phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học theo các mức độ quy định tương đương với trình độ đào tạo được quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 12 của Quy định này, đồng thời còn tuân theo các quy định dưới đây:

1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ

a) Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do Trường Đại học Đồng Tháp cấp trong thời gian sinh viên học tại Trường.

b) Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 do các Trường và Trung tâm Ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ.

c) Chứng chỉ TOEIC của IIG Việt Nam còn trong thời hạn sử dụng.

d) Trường hợp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 do các Trung tâm Ngoại ngữ ngoài Trường và các cơ sở giáo dục khác cấp nhưng không nằm trong danh mục các trường, trung tâm ngoại ngữ được Bộ giáo dục và Đào tạo cho phép bồi dưỡng và cấp chứng chỉ, sinh viên phải tham gia kiểm tra trình độ do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức và được công nhận đạt yêu cầu theo trình độ tương ứng.

2. Đối với chứng chỉ tin học

a) Chứng chỉ tin học Quốc gia trình độ A và trình độ B là chứng chỉ do Trường Đại học Đồng Tháp cấp trong thời gian sinh viên học tại Trường.

b) Trường hợp chứng chỉ Quốc gia trình độ A và trình độ B do các cơ sở giáo dục khác cấp, sinh viên phải tham gia kiểm tra tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức để được công nhận đạt trình độ tương ứng.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của sinh viên

a) Sinh viên sau khi trúng tuyển vào Trường Đại học Đồng Tháp phải có trách nhiệm đọc kỹ và thực hiện đúng nội dung của Quy định này.

b) Sinh viên thuộc diện có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh và chứng chỉ tin học do các Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học ngoài nhà trường cấp, có thể thực hiện một trong hai phương án sau để được công nhận trình độ tương ứng:

- Đăng ký và học tập tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường để được thi và cấp chứng chỉ mới. Việc đăng ký và học tập thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đăng ký kiểm tra trình độ để được công nhận đạt yêu cầu theo trình độ tương ứng. Việc đăng ký và tham gia kiểm tra trình độ thực hiện theo quy trình: Sinh viên phải chủ động thường xuyên theo dõi thông báo mở lớp của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường, tự đến đăng ký, nộp lệ phí, nhận phiếu đăng ký và thực hiện việc kiểm tra trình độ theo thông báo của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

c) Để được xét tốt nghiệp, sinh viên phải nộp về Phòng Đào tạo đầy đủ các chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 12 của Quy định này.

d) Đối với những sinh viên có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì nộp văn bằng tốt nghiệp liên quan về Phòng Đào tạo để được xét miễn học và miễn thi tiếng Anh không chuyên.

Đối với sinh viên có bằng cao đẳng hoặc đại học công nghệ thông tin thì nộp bằng tốt nghiệp về Phòng Đào tạo để được xét miễn học và miễn thi chứng chỉ A, chứng chỉ B tin học không chuyên.

d) Sinh viên không nộp đầy đủ các chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học hợp lệ theo Mục c, Khoản 1 của Điều này sẽ không đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

e) Sinh viên không thuộc diện được xét tốt nghiệp theo Mục đ, Khoản 1 của Điều này, sau khi đã nộp bổ sung đầy đủ các chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học hợp lệ để bổ sung hồ sơ, được Phòng Đào tạo xác nhận, mới được xét tốt nghiệp.

2. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo

a) Tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường kịp thời sửa đổi, ban hành quy định về tổ chức quản lý và tổ chức giảng dạy, học tập môn ngoại ngữ và tin học không chuyên phù hợp với tình hình phát triển của Nhà trường và quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Phối hợp với các khoa đào tạo trong việc xây dựng, ban hành và công khai đề cương môn học Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành trên Website của Nhà trường.

c) Chủ trì và phối hợp với các khoa trong việc đưa các môn học ngoại ngữ và tin học không chuyên theo chuẩn đầu ra vào chương trình đào tạo theo lộ trình quy định của nhà trường.

d) Tổ chức cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành.

d) Tổ chức cấp chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A2, trình độ B1 cho sinh viên chậm nhất một tháng kể từ khi có kết quả chính thức.

e) Tham gia thẩm định tiêu chuẩn giảng viên mồi giảng theo quy định về giảng viên thỉnh giảng.

3. Trách nhiệm của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

a) Thông báo chương trình, kế hoạch học tập cụ thể, kịp thời cho sinh viên trong toàn trường vào đầu mỗi năm học.

b) Quản lý và tổ chức giảng dạy, học tập các lớp ngoại ngữ, tin học không chuyên theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và đúng quy định hiện hành về dạy học trong học chế tín chỉ.

c) Tổ chức kiểm tra điều kiện, kiểm tra chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra các bậc học.

d) Công bố công khai điểm kiểm tra điều kiện, điểm thi theo đúng quy định của Nhà trường.

đ) Lập danh sách sinh viên đạt, sinh viên vượt chuẩn ngoại ngữ và tin học về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Phòng Đào tạo để nhập vào điểm tích lũy trong chương trình học và lưu hồ sơ xét tốt nghiệp cuối khóa.

e) Tổ chức cấp chứng chỉ tin học cho sinh viên chậm nhất sau 2 tháng kể từ khi có kết quả chính thức.

f) Phối hợp với khoa Sư phạm Ngoại ngữ và khoa Sư phạm Toán – Tin trong việc thẩm định chất lượng giảng dạy của giảng viên mời giảng ngoài trường đối với hai học phần này khi có yêu cầu của Nhà trường.

g) Thu học phí và thanh toán thù lao giảng dạy cho giảng viên theo đúng quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

4. Trách nhiệm của các khoa đào tạo

a) Tổ chức xây dựng đề cương môn học Ứng dụng Công nghệ thông tin vào chuyên ngành. Trong trường hợp khoa không có giảng viên đủ điều kiện dạy học môn học, trưởng bộ môn quản lý môn học phải báo cáo bằng văn bản về Phòng Đào tạo để có hướng tham mưu, trình Ban Giám hiệu Nhà trường giải quyết.

b) Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường trong việc quản lý, tổ chức và nhắc nhở sinh viên trong khoa tham gia đăng ký, đóng học phí và học tập nghiêm túc theo đúng quy định của Nhà trường.

c) Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và Sư phạm Toán – Tin chủ động phối hợp với Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học phát triển chương trình đào tạo, cử giảng viên tham gia giảng dạy và phối hợp với Phòng Đào tạo trong việc thẩm định tiêu chuẩn, chất lượng giảng viên mời giảng theo quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo

a) Tổ chức sao in đề kiểm tra, đề thi, chấm thi TOEIC theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Nhập điểm kiểm tra, thi và chuyển kết quả TOEIC cho Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học chậm nhất 1 tuần, kể từ ngày tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học.

6. Trách nhiệm của Phòng Thanh Tra - Pháp chế

a) Giám sát, kiểm tra việc tổ chức, quản lý các hoạt động giảng dạy, học tập môn ngoại ngữ và tin học không chuyên trong Trường Đại học Đồng Tháp theo đúng quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Phòng Đào tạo và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học kiểm tra tính hợp pháp của các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ và tin học do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngoài Trường cấp.

Điều 18. Điều khoản thi hành

a) Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

b) Những trường hợp về chứng chỉ ngoại ngữ và tin học không nằm trong phạm vi của Quy định này sẽ do Hiệu trưởng xem xét, quyết định./. Lm



Nguyễn Văn Đề